Num

Chapter 25

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

1

וַיֵּשֶׁב	יִשְׂרָאֵל	בַּשִּׁטִּים	וַיָּחֶל	הָעָם	לִזְנוֹת	אֶל־	בְּנוֹת	מוֹאָב׃
và–ở	Y-sơ-ra-ên	בַּשִּׁטִּים	và–xúc–phạm	dân	cho–phạm–tội–tà–dâm	đến	con–gái	Mô-áp
H3427	H3478	H7851			H2181	H0413	H1323	H4124

Dân Y-sơ-ra-ên ở tại Si-tim, khởi thông dâm cùng những con gái Mô-áp.

2

וַתִּקְרֶאן	לָעָם	לִזְבְחֵי	אֱלֹהֵיהֶן	וַיֹּאכַל	הָעָם	וַיִּשְׁתַּחֲוּוּ
và–gọi	cho–dân	cho–sinh–tế	Đức–Chúa–Trời–họ	và–ăn	dân	và–thờ–phượng
H7121		H2077	H0430	H0398		H7812

לֵאלֹהֵיהֶן׃
cho–Đức–Chúa–Trời–họ
H0430

Con gái mời dân sự ăn sinh lễ cúng các thần mình; dân sự ăn và quì lạy trước các thần chúng nó.

3

וַיִּצָּמֶד	יִשְׂרָאֵל	פְּעוֹרְלְבַעַל	וַיִּחַר־	אַף	יְהוָה	בְּיִשְׂרָאֵל׃
Y-sơ-ra-ên	וַיִּצָּמֶד	פְּעוֹרְלְבַעַל	và–nổi–giận	lỗ–mũi	Đức–Giê-hô-va	trong–Y-sơ-ra-ên
H6775	H3478	H1187	H2734	H0639	H3068	H3478

Y-sơ-ra-ên cũng thờ thần Ba-anh-Phê-ô, cơn giận của Đức Giê-hô-va bèn nổi lên cùng Y-sơ-ra-ên.

4

וַיֹּאמֶר	יְהוָה	אֶל־	מֹשֶׁה	קַח	אֶת־	כָּל־	רָאשֵׁי	הָעָם	וְהוֹקַע	אוֹתָם
và–nói	Đức–Giê-hô-va	đến	Môi-se	lấy	—	mọi	đầu	dân	וְהוֹקַע	chúng
H0559	H3068	H0413	H4872	H3947	H0853	H3605	đầu		H3363	H0853

לַיהוָה	נֶגֶד	הַשָּׁמֶשׁ	וְיָשֹׁב	חֲרוֹן	אַף־	יְהוָה	מִיִּשְׂרָאֵל׃
cho–Đức–Giê-hô-va	נֶגֶד	mặt–trời	và–trở–lại	חֲרוֹן	lỗ–mũi	Đức–Giê-hô-va	từ–Y-sơ-ra-ên
H3068	H5048	H8121	H7725	H2740	H0639	H3068	H3478

Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy bắt các đầu trưởng của dân sự, và treo lên trước mặt Đức Giê-hô-va, đối cùng mặt trời, để cơn giận của Đức Giê-hô-va xây khỏi Y-sơ-ra-ên.

5

וַיֹּאמֶר	מֹשֶׁה	אֶל־	שֹׁפְטֵי	יִשְׂרָאֵל	הִרְגוּ	אִישׁ	אֲנָשָׁיו	הַנִּצְמָדִים	לְבַעַל פְּעוֹר׃
và–nói	Môi-se	đến	xét–đoán	Y-sơ-ra-ên	giết	người	người–nó	הַנִּצְמָדִים	לְבַעַל פְּעוֹר׃
H0559	H4872	H0413	H8199	H3478	H2026	H0376	H0376	H6775	H1187

Vậy, Môi-se nói cùng các quan án Y-sơ-ra-ên rằng: Mỗi người trong các ngươi phải giết những kẻ nào thuộc về bọn cúng thờ Ba-anh-Phê-ô.

6

וְהִנֵּה	אִישׁ	מִבְּנֵי	יִשְׂרָאֵל	בָּא	וַיַּקְרֵב	אֶל־	אֶחָיו	אֶת־	הַמִּדְיָנִית
và–kìa	người	các–con–trai	Y-sơ-ra-ên	đến	và–dâng	đến	anh–em–nó	—	הַמִּדְיָנִית
H2009	H0376		H3478	H0935	H7126	H0413	H0251	H0853	H4084

לְעֵינֵי	מֹשֶׁה	וּלְעֵינֵי	כָּל־	עֲדַת	בְּנֵי־	יִשְׂרָאֵל	וְהֵמָּה	בֹכִים	פֶּתַח
cho–mắt	Môi-se	và–cho–mắt	mọi	hội–chúng	các–con–trai	Y-sơ-ra-ên	và–họ	khóc	cửa
	H4872		H3605	H5712		H3478	H1992	H1058	H6607

אֹהֶל	מוֹעֵד׃
lều	hội–họp
H0168	H4150

Nầy, một người trong dân Y-sơ-ra-ên dẫn một người nữ Ma-đi-an đến giữa anh em mình, hiện trước mắt Môi-se và cả hội dân Y-sơ-ra-ên, đương khi hội chúng khóc tại cửa hội mạc.

7

וַיַּרְא	פִּינְחָס	בֶּן־	אֶלְעָזָר	בֶּן־	אַהֲרֹן	הַכֹּהֵן	וַיָּקָם	מִתּוֹךְ	הָעֵדָה
và–thấy	PÍ-NƠ-HÁT	con	Ê-lê-a-sa	con	A-rôn	thầy–tế–lễ	và–đứng–dậy	từ–giữa	hội–chúng
H7200	H6372		H0499		H0175	H3548		H8432	H5712

וַיִּקַּח	רֹמַח	בְּיָדוֹ׃
và–lấy	RỐ-MẠC	trong–tay–nó
H3947	H7420	H3027

Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa, cháu A-rôn, thầy tế lễ, thấy sự nầy, bèn đứng dậy giữa hội chúng, cầm một cây giáo,

8

וַיָּבֹא	אַחַר	אִישׁ־	יִשְׂרָאֵל	אֶל־	הַקֻּבָּה	וַיִּדְקֹר	אֶת־	שְׁנֵיהֶם	אֶת	אִישׁ
và–đến	sau	người	Y-sơ-ra-ên	đến	HẠ-CỤ-BÁ	và–đâm	—	hai–họ	—	người
H0935		H0376	H3478	H0413	H6898	H1856	H0853	H8147	H0853	H0376

וְאֶת־	יִשְׂרָאֵל	אֶל־	הָאִשָּׁה	קֻבָּתָהּ	וַתֵּעָצַר	הַמַּגֵּפָה	מֵעַל	בְּנֵי	יִשְׂרָאֵל׃
và	Y-sơ-ra-ên	đến	người–đàn–bà	KỲ-BA-THÁ	và–thêm–sức	tai–vạ	trên	các–con–trai	Y-sơ-ra-ên
H0853	H3478	H0413	H0802	H6897	H6113	H4046			H3478

đi theo người Y-sơ-ra-ên vào trong trại, đâm ngang dạ dưới của người Y-sơ-ra-ên và người nữ; tai vạ giữa dân Y-sơ-ra-ên bèn ngừng lại.

9

וַיִּהְיוּ	הַמֵּתִים	בַּמַּגֵּפָה	אַרְבָּעָה	וְעֶשְׂרִים	אָלֶף׃	פ
và–là	chết	trong–tai–vạ	bốn	và–hai–mươi	ngàn	—
H1961	H4191	H4046	H0702	H6242	H0505	

Vả, có hai mươi bốn ngàn người chết về tai vạ nầy.

10

וַיְדַבֵּר	יְהוָה	אֶל־	מֹשֶׁה	לֵּאמֹר׃
và–phán	Đức–Giê-hô-va	đến	Môi-se	cho–nói
H1696	H3068	H0413	H4872	H0559

Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng:

11

פִּינְחָס	בֶּן־	אֶלְעָזָר	בֶּן־	אַהֲרֹן	הַכֹּהֵן	הֵשִׁיב	אֶת־	חֲמָתִי	מֵעַל
PÍ-NƠ-HÁT	con	Ê-lê-a-sa	con	A-rôn	thầy–tế–lễ	trở–lại	—	cơn–thịnh–nộ–ta	trên
H6372		H0499		H0175	H3548	H7725	H0853	H2534	

בְּנֵי־	יִשְׂרָאֵל	בְּקִנְאוֹ	אֶת־	קִנְאָתִי	בְּתוֹכָם	וְלֹא־	כִלִּיתִי
các–con–trai	Y-sơ-ra-ên	trong–ghen–tức–nó	—	sự–ghen–tức–ta	trong–giữa–họ	và–không	hoàn–tất
	H3478	H7065	H0853	H7068	H8432	H3808	

אֶת־	בְּנֵי־	יִשְׂרָאֵל	בְּקִנְאָתִי׃
—	các–con–trai	Y-sơ-ra-ên	trong–sự–ghen–tức–ta
H0853		H3478	H7068

Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa, cháu A-rôn, thầy tế lễ, đã xây dân Y-sơ-ra-ên khỏi cơn giận ta, vì lòng kỵ tà thúc giục lòng người; vậy, ta không có diệt dân Y-sơ-ra-ên trong cơn kỵ tà của ta.

12

לָכֵן	אֱמֹר	הִנְנִי	נֹתֵן	לוֹ	אֶת־	בְּרִיתִי	שָׁלוֹם׃
vì–vậy	nói	kìa–ta	đặt	cho–nó	—	giao–ước–ta	sự–bình–an
	H0559	H2009	H5414		H0853	H1285	H7965

Bởi cớ đó, hãy cáo cùng người rằng: Ta ưng cho người sự giao ước bình yên ta;

13

וְהָיְתָה	לוֹ	וּלְזַרְעוֹ	אַחֲרָיו	בְּרִית	כְּהֻנַּת	עוֹלָם	תַּחַת	אֲשֶׁר
và–là	cho–nó	và–cho–dòng–dõi–nó	sau–nó	giao–ước	CỨ-HÔ-NGÀ-THÁT	đời–đời	dưới	mà
H1961		H2233		H1285	H3550	H5769	H8478	

קִנֵּא	לֵאלֹהָיו	וַיְכַפֵּר	עַל־	בְּנֵי	יִשְׂרָאֵל׃
ghen–tức	cho–Đức–Chúa–Trời–nó	và–chuộc–tội	trên	các–con–trai	Y-sơ-ra-ên
H7065	H0430				H3478

ấy về phần người và dòng dõi người sẽ là sự giao ước về một chức tế lễ đời đời, bởi vì người có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời mình, và có chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên.

14

וְשֵׁם	אִישׁ	יִשְׂרָאֵל	הַמֻּכֶּה	אֲשֶׁר	הֻכָּה	אֶת־	הַמִּדְיָנִית	זִמְרִי	בֶּן־	סָלֻוא
và–danh	người	Y-sơ-ra-ên	đánh	mà	đánh	với	המדינית	זִמְרִי	con	סָלֻוא
H8034	H0376	H3478	H5221		H5221	H0854	H4084			

נְשִׂיא	בֵית־	אָב	לְשִׁמְעֹנִי׃
quan–trưởng	nhà	cha	לְשִׁמְעֹנִי׃
		H0001	H8099

Vả, người Y-sơ-ra-ên bị giết chung với người nữ Ma-đi-an, tên là Xim-ri, con trai Sa-lu, quan trưởng của một tông tộc, người Si-mê-ôn.

15

וְשֵׁם	הָאִשָּׁה	הַמֻּכָּה	הַמִּדְיָנִית	כָּזְבִּי	בַּת־	צוּר	רֹאשׁ	אֻמּוֹת	בֵּית־	אָב
và–danh	người–đàn–bà	đánh	המדינית	כָּזְבִּי	con–gái	צוּר	đầu	אֻמּוֹת	nhà	cha
H8034	H0802	H5221	H4084	H3579	H1323	H6698		H0523		H0001

בְּמִדְיָן	הִוא׃	פ
trong–Ma-đi-an	ấy	—
H4080	H1931	

Tên người nữ Ma-đi-an bị giết là Cốt-bi, con gái Xu-rơ, đầu trưởng của một tông tộc Ma-đi-an.

16

וַיְדַבֵּר	יְהוָה	אֶל־	מֹשֶׁה	לֵאמֹר׃
và–phán	Đức–Giê-hô-va	đến	Môi-se	cho–nói
H1696	H3068	H0413	H4872	H0559

Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng:

17

צָרוֹר	אֶת־	הַמִּדְיָנִים	וְהִכִּיתֶם	אוֹתָם׃
צָרוֹר	—	המדינים	và–đánh	chúng
	H0853	H4084	H5221	H0853

Hãy khuấy rối người Ma-đi-an và hãm đánh chúng nó;

18

כִּי	צֹרְרִים	הֵם	לָכֶם	בְּנִכְלֵיהֶם	אֲשֶׁר־	נִכְלוּ	לָכֶם	עַל־	דְּבַר־	פְּעוֹר	וְעַל־	דְּבַר־	כָּזְבִּי	בַּת־
vì	צֹרְרִים	họ	cho–nó	בְּנִכְלֵיהֶם	mà	נִכְלוּ	cho–nó	trên	lời	פְּעוֹר	và–trên	lời	כָּזְבִּי	con–gái
		H1992		H5231		H5230			H1697	H6465		H1697	H3579	H1323

נְשִׂיא	מִדְיָן	אֲחֹתָם	הַמֻּכָּה	בְּיוֹם־	הַמַּגֵּפָה	עַל־	דְּבַר־	פְּעוֹר׃		
quan–trưởng	Ma-đi-an	chị–em–họ	đánh	trong–ngày	tai–vạ	trên	lời	פְּעוֹר׃		
	H4080	H0269	H5221	H3117	H4046		H1697	H6465		

vì chúng nó đã lấy mưu chước mình mà khuấy rối các ngươi, dỗ dành các ngươi về việc cúng thờ Phê-ô, và trong việc của Cốt-bi, con gái quan trưởng Ma-đi-an, là chị chúng nó đã bị giết trong ngày tai vạ, vì cớ việc cúng thờ Phê-ô.